

# Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



# Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 27

# Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0312296257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, kinh doanh dịch vụ ăn uống và xây dựng. Ngoài ra, Công ty thực hiện khai thác kinh doanh của khách sạn Liberty Central Saigon CityPoint, đây là tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Việt Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó chủ tịch
Ông Vũ Đình Thái	Phó chủ tịch
Ông Trần Thành A	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Trang	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vi Luân	Trưởng ban
Ông Phạm Doãn Thảo	Thành viên
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thành A.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của tôi, Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1 và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Thành A  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61092197/17793488

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương ("Công ty") được lập vào ngày 25 tháng 4 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better  
working world**

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ của một công ty con và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



\_\_\_\_\_  
Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1

\_\_\_\_\_  
Lê Trung Tín  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3095-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>448.079.483.096</b>	<b>1.600.788.527.300</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>47.216.668.770</b>	<b>5.124.635.133</b>
111	1. Tiền		9.736.668.770	5.124.635.133
112	2. Các khoản tương đương tiền		37.480.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>394.774.868.018</b>	<b>1.141.361.034.081</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.384.153.250	2.620.502.411
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		88.520.137	3.247.895.386
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	392.302.194.631	1.135.492.636.284
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>769.261.095</b>	<b>418.869.723.607</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	769.261.095	418.869.723.607
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.318.685.213</b>	<b>35.433.134.479</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.460.237.693	4.072.080.823
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	31.361.053.656
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3.858.447.520	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.009.542.816.481</b>	<b>73.190.256.164</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.891.665.168</b>	<b>45.999.996</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	5.567.645.388	-
222	Nguyên giá		8.620.294.564	-
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.052.649.176)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	324.019.780	45.999.996
228	Nguyên giá		397.385.223	69.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(73.365.443)	(23.000.004)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.367.714.542</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.367.714.542	-
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>966.828.000.000</b>	<b>66.828.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	900.000.000.000	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	66.828.000.000	66.828.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>34.452.436.771</b>	<b>6.313.256.168</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	34.452.436.771	6.313.256.168
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.457.622.299.577</b>	<b>1.673.978.783.464</b>





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	489.895.467.185	26.003.803.996
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(497.688.630.846)	(16.058.527.671)
20	3. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		(7.793.163.661)	9.945.276.325
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	19.627.376.215	7.758.783
22	5. Chi phí tài chính		(28.304.792.438)	(227.811)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(28.295.790.821)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(4.759.789.500)	-
30	7. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.230.369.384)	9.952.807.297
31	8. Thu nhập khác		2.059.853.119	460.339.546
32	9. Chi phí khác		(50.029.890)	(178.732.692)
40	10. Lợi nhuận khác		2.009.823.229	281.606.854
50	11. Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế		(19.220.546.155)	10.234.414.151
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	-	(2.046.882.830)
60	13. (Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế		(19.220.546.155)	8.187.531.321

  
Huỳnh Thị Thanh Uyên  
Người lập

  
Nguyễn Như Quỳnh  
Kế toán trưởng

  
Trần Thành A  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(19.220.546.155)</b>	<b>10.234.414.151</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	3.103.014.615	23.000.004
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.611.726.067)	(6.272.205)
06	Chi phí lãi vay		28.295.790.821	-
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(7.433.466.786)</b>	<b>10.251.141.950</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		774.088.772.199	(86.490.110.460)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		418.100.462.512	(319.148.733.492)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(36.842.363.761)	114.904.205.675
12	Tăng chi phí trả trước		(25.527.337.473)	(10.367.395.053)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.689.264.442)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.1	(5.905.330.350)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.104.791.471.899</b>	<b>(290.850.891.380)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(11.316.394.329)	-
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(900.000.000.000)	(81.878.000.000)
27	Thu lãi tiền gửi, lợi nhuận được chia		19.611.726.067	6.272.205
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(891.704.668.262)</b>	<b>(81.871.727.795)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn		-	25.443.868.982
33	Tiền thu từ đi vay		249.110.618.362	677.766.131.018
34	Tiền trả nợ gốc vay		(420.105.388.362)	(325.511.361.018)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(170.994.770.000)</b>	<b>377.698.638.982</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		42.092.033.637	4.976.019.807
60	Tiền đầu năm		5.124.635.133	148.615.326
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	47.216.668.770	5.124.635.133



Huỳnh Thị Thanh Uyên  
Người lập



Nguyễn Như Quỳnh  
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 4 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0312296257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, kinh doanh dịch vụ ăn uống và xây dựng. Ngoài ra, Công ty thực hiện khai thác kinh doanh của khách sạn Liberty Central Saigon CityPoint ("khách sạn CityPoint"), đây là tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 167 người (31 tháng 12 năm 2014 là: 118 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty là công ty mẹ có một công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty, được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200").

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa được xác định ở giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng các khoản đầu tư*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng và từ việc cung cấp các dịch vụ khác được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và giảm giá.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	557.020.080	564.423.500
Tiền gửi ngân hàng	8.455.896.979	4.383.102.232
Tiền đang chuyển	723.751.711	177.109.401
Các khoản tương đương tiền	37.480.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.216.668.770</b>	<b>5.124.635.133</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

**Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:**

	Năm nay	Năm trước
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:</b>		
Mua công ty con thông qua việc cản trừ công nợ	900.000.000.000	-
Trả nợ gốc vay thông qua việc cản trừ công nợ	224.995.388.362	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên khác	2.277.942.833	2.211.579.385
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 22)	106.210.417	408.923.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.384.153.250</u></b>	<b><u>2.620.502.411</u></b>

Đây là khoản phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ lưu trú và ăn uống tại khách sạn CityPoint.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên (*)	380.403.971.865	-
Tạm ứng nhân viên	10.006.000.000	201.270.250
Bên liên quan (Thuyết minh số 22)	1.850.242.891	1.112.791.366.034
Chi trả hộ	-	15.050.000.000
Đặt cọc	-	7.450.000.000
Khác	41.979.875	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>392.302.194.631</u></b>	<b><u>1.135.492.636.284</u></b>

(\*) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh số 19/HĐ-2013 ký ngày 27 tháng 9 năm 2013 giữa Công ty và Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên nhằm khai thác và vận hành khách sạn CityPoint.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồ ăn, thức uống	769.261.095	526.695.155
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	-	418.343.028.452
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>769.261.095</u></b>	<b><u>418.869.723.607</u></b>

(\*) Đây là chi phí xây dựng liên quan đến dự án Khách sạn CityPoint tại số 59 - 61 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo hợp đồng Ủy quyền số 34/UQ-VHSG ngày 23 tháng 12 năm 2013. Trong năm 2015, dự án này đã được hoàn thành và bàn giao cho Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn - Công ty TNHH Một thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.460.237.693</b>	<b>4.072.080.823</b>
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	829.679.508	2.278.751.304
Khác	630.558.185	1.793.329.519
<b>Dài hạn</b>	<b>34.452.436.771</b>	<b>6.313.256.168</b>
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	25.254.987.535	6.313.256.168
Khác	9.197.449.236	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.912.674.464</u></b>	<b><u>10.385.336.991</u></b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND
	Máy móc, thiết bị
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	-
Mua mới trong năm	8.620.294.564
Số cuối năm	<u>8.620.294.564</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	(3.052.649.176)
Số cuối năm	<u>(3.052.649.176)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>5.567.645.388</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số đầu năm	69.000.000
Mua mới trong năm	<u>328.385.223</u>
Số cuối năm	<u>397.385.223</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Số đầu năm	(23.000.004)
Khấu trừ trong năm	<u>(50.365.439)</u>
Số cuối năm	<u>(73.365.443)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số đầu năm	<u>45.999.996</u>
Số cuối năm	<u>324.019.780</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Văn hóa - Khách sạn (giai đoạn 2)	1.602.951.418	-
Dự án số 9 - 11 Lý Tự Trọng	<u>764.763.124</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.367.714.542</b></u>	<u>-</u>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**12.1 Đầu tư vào công ty con**

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ</i>
	<i>VND</i>	<i>sở hữu</i>	<i>VND</i>	<i>sở hữu</i>
		<i>%</i>		<i>%</i>
Công ty TNHH Một Thành Viên Khách sạn Quốc tế Bình Minh ("Bình Minh")	<u>900.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Công ty đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty trong Bình Minh với tổng giá trị là 900.000.000.000 VND. Theo đó, Bình Minh là công ty con của Công ty tại ngày 23 tháng 12 năm 2015.

Bình Minh là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312470480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2013, và GCNĐKKD điều chỉnh.

Bình Minh có trụ sở chính đăng ký tại số 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Bình Minh là kinh doanh một khách sạn năm sao có tên gọi là Pullman Saigon Centre tại số 148 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	sở hữu %	VND	sở hữu %
Công ty Cổ phần Khatoco – Liberty (i)	44.528.000.000	38,72	44.528.000.000	38,72
Công ty Cổ phần Du lịch Khánh Tâm (ii)	22.300.000.000	26	22.300.000.000	26
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.828.000.000</b>		<b>66.828.000.000</b>	

**(i) Công ty Cổ phần Khatoco - Liberty ("Khatoco – Liberty")**

Khatoco – Liberty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4200716736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 17 tháng 11 năm 2007, và GCNĐKKD điều chỉnh.

Khatoco - Liberty có trụ sở chính đăng ký tại số 09 Biệt Thự, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Hoạt động chính của Khatoco - Liberty theo GCNĐKKD là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**(ii) Công ty Cổ phần Du lịch Khánh Tâm ("Khánh Tâm")**

Khánh Tâm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4201494677 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 8 tháng 6 năm 2012.

Khánh Tâm có trụ sở chính đăng ký tại số 22A-B Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Hoạt động chính của Khánh Tâm theo GCNĐKKD là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Hiện tại, Khánh Tâm đang trong giai đoạn xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên khác	10.742.175.527	49.144.715.467
- Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn Odyssea	3.152.457.076	1.705.663.806
- Khác	7.589.718.451	47.439.051.661
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 22)	447.106.089	844.901.554
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.189.281.616</b>	<b>49.989.617.021</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã trả trong năm	Số cuối năm
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.046.882.830	-	(2.046.882.830)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	3.854.427.678	-	3.854.427.678
Thuế khác	279.523.615	1.581.770.492	(1.727.056.483)	134.237.624
	<u>2.326.406.445</u>	<u>5.436.198.170</u>	<u>(3.773.939.313)</u>	<u>3.988.665.302</u>
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21)	-	-	3.858.447.520	3.858.447.520

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 22)	25.990.398.259	-
Phải trả bên khác	92.694.748	40.895.839
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.083.093.007</b>	<b>40.895.839</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	1.574.370.000	1.574.370.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Ngắn hạn				
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	251.794.770.000	168.310.618.362	(420.105.388.362)	-
Dài hạn				
Vay ngân hàng	140.000.000.000	80.800.000.000	-	220.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>391.794.770.000</b>	<b>249.110.618.362</b>	<b>(420.105.388.362)</b>	<b>220.800.000.000</b>

Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 theo hợp đồng tín dụng số 14.45.0026/2014-HĐTDDA/NHCT924-SQ CORP nhằm mục đích tài trợ cho việc đầu tư xây dựng dự án khách sạn CityPoint. Chi tiết được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Kỳ hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND		%/ năm	
Vay dài hạn	220.800.000.000	138 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 5 tháng 12 năm 2014	5,5	Giá trị ước tính của toàn bộ tài sản của khách sạn CityPoint trị giá 280 tỷ VND

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>			
Số đầu năm	1.174.556.131.018	-	1.174.556.131.018
Vốn góp	25.443.868.982	-	25.443.868.982
Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.187.531.321	8.187.531.321
Số cuối năm	1.200.000.000.000	8.187.531.321	1.208.187.531.321
<b>Năm nay</b>			
Số đầu năm	1.200.000.000.000	8.187.531.321	1.208.187.531.321
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.803.539.467)	(1.803.539.467)
Lỗ thuần trong năm	-	(19.220.546.155)	(19.220.546.155)
Số cuối năm	1.200.000.000.000	(14.036.554.301)	1.185.963.445.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Theo GCNĐKDD		Vốn cổ phần đã góp
	Vốn cổ phần	% sở hữu	
	VND		VND
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty ("Quê Hương Liberty")	690.000.000.000	57,5	690.000.000.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên	354.000.000.000	29,5	354.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Khánh Việt	120.000.000.000	10	120.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thành phố Hồ Chí Minh	36.000.000.000	3	36.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>1.200.000.000.000</b>

**17.3 Cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	120.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	120.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	120.000.000	120.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	120.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	120.000.000	120.000.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VNĐ

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu thuần:</b>	<b>489.895.467.185</b>	<b>26.003.803.996</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	345.865.340.970	-
Doanh thu cho thuê	101.599.191.044	18.853.379.942
Doanh thu bán hàng	32.220.676.153	6.053.638.212
Doanh thu khác	10.210.259.018	1.096.785.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU (tiếp theo)**

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.099.383.044	-
Lãi tiền gửi	1.512.343.023	6.272.205
Chênh lệch tỷ giá	15.650.148	1.486.578
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.627.376.215</b>	<b>7.758.783</b>

(\*) Đây là khoản lợi nhuận nhận được từ Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án khách sạn Pullman Saigon Centre ký ngày 15 tháng 3 năm 2013 giữa Quê Hương Liberty và Công ty.

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây dựng	371.285.649.323	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê	98.876.210.233	11.642.816.702
Giá vốn hàng bán	20.717.377.924	3.738.395.996
Giá vốn khác	6.809.393.366	677.314.973
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>497.688.630.846</b>	<b>16.058.527.671</b>

**20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.790.595.746	3.462.550.936
Chi phí nhân công	26.896.138.587	4.472.971.126
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 & 10)	3.103.014.615	23.000.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.900.748.124	4.256.935.233
Chi phí khác	391.757.923.274	3.843.070.372
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>502.448.420.346</b>	<b>16.058.527.671</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 22% thu nhập chịu thuế (2014: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế và (lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	VND Năm trước
<b>(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(19.220.546.155)</b>	<b>10.234.414.151</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(18.099.383.044)	-
<b>(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>(37.319.929.199)</b>	<b>10.234.414.151</b>
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp ước tính</b>	-	<b>2.046.882.830</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.046.882.830	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(5.905.330.350)	-
<b>Thuế TNDN (trả thừa) phải nộp cuối năm</b>	<b>(3.858.447.520)</b>	<b>2.046.882.830</b>

**21.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 37.319.929.199 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế ước tính (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015
2015	2020	37.319.929.199	-	-	37.319.929.199

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 37.319.929.199 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Quê Hương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty mẹ	Mua công ty Bình Minh	900.000.000.000	-
		Tiền vay nhận được	77.310.618.362	337.766.131.018
		Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác	18.099.383.044	-
		Cung cấp dịch vụ	1.241.609.290	519.931.191
		Nhận dịch vụ cung cấp	5.284.567.561	4.066.376.178
		Nhận vốn góp	-	25.443.868.982
Công ty TNHH Một Thành Viên Khách sạn Quốc tế Bình Minh	Công ty con	Tiền vay nhận được	68.000.000.000	-
		Mua dịch vụ	24.361.576	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khánh Tâm	Công ty liên kết	Góp vốn	-	15.610.000.000
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên	Cổ đông	Tiền vay nhận được	-	200.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	<u>106.210.417</u>	<u>408.923.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty mẹ	Phải thu khác	1.850.242.891	-
		Góp vốn hợp tác (*)	-	1.112.791.366.034
			<b>1.850.242.891</b>	<b>1.112.791.366.034</b>
(*) Đây là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án khách sạn Pullman Saigon Centre giữa Công ty và Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty ký ngày 15 tháng 7 năm 2013. Khoản góp vốn này được cân trừ một phần khi Công ty thực hiện mua lại toàn bộ quyền sở hữu trong Bình Minh.				
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	438.538.875	844.901.554
Công ty TNHH Một Thành Viên Khách sạn Quốc tế Bình Minh	Công ty con	Mua dịch vụ	8.567.214	-
			<b>447.106.089</b>	<b>844.901.554</b>
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty mẹ	Lãi vay	-	15.034.241.686
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Khách sạn Quốc tế Bình Minh	Công ty con	Phải trả khác	25.990.398.259	-
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	-	251.794.770.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


**23. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**


Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:


	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Số đầu năm (được trình bày lại)
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>			
Các khoản phải thu khác	1.127.841.366.034	7.651.270.250	1.135.492.636.284
Tài sản ngắn hạn khác	7.651.270.250	(7.651.270.250)	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.615.265.839	(1.574.370.000)	40.895.839
Phải trả dài hạn khác	-	1.574.370.000	1.574.370.000

**24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

  
Huỳnh Thị Thanh Uyên  
Người lập

  
Nguyễn Như Quỳnh  
Kế toán trưởng

  
Trần Thành A  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2016